TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 677/2024/HC-PT
Ngày: 02-7-2024
"V/v khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán:Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

***- Thư ký phiên toà*:** ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 72/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc *"Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất"*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2402/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: bà Lê Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Lê Quốc T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Trần Quang L1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cục K. Địa chỉ: Số A, đường N, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình T1 – Chi cục Trưởng Chi cục K1 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Lê Thị L trình bày:

Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Xuân T2 có diện tích đất trồng cây lâu năm 1.132,9m^2 tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Để thực hiện Dự án Trạm Kiểm Ngư, Ủy ban nhân dân thành phố P ra hai Quyết định số 5863/QĐ-UBND và Quyết định số 5864/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 thu hồi của bà Lê Thị L diện tích đất 156,8m^2 trong tổng diện tích đất của bà L.

Khi thu hồi đất Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 bồi thường cho bà L 82.252.800 đồng. Trong đó, bồi thường về đất 62.092.800 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống 20.160.000 đồng. Quyết định này được giao cho bà L ngày 10/9/2021.

Ngày 30/5/2022, bà L liên hệ với Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P để nhận Quyết định thu hồi đất nhưng chỉ nhận được Quyết định số 5863/QĐ-UBND ngày 17/12/2019.

Bà L xác định việc Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi đất của bà L thực hiện chưa đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 67, 69 Luật Đất đai. Diện tích đất của bà L bị thu hồi có nhà ở của gia đình bà L đã sinh sống ổn định từ năm 2014, có mặt tiền tiếp giáp với lộ Dương Đ – An Thới nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường giá trị đất cho bà L 62.092.800 đồng là quá thấp. Diện tích đất của bà L ngoài căn nhà của gia đình bà ở còn khu nhà trọ của bà L xây dựng để cho thuê là nguồn thu nhập chính của gia đình bà L.

Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi diện tích 156,8m^2 gần hết chiều ngang đất phía trước của bà L nếu giao đất theo Quyết định thu hồi thì gia đình của bà L không còn lối đi vào khu nhà trọ, căn nhà bà đang ở cũng không còn sử dụng được.

Bà L yêu cầu Tòa án xem xét hủy hai Quyết định thu hồi đất số 5863/QĐ-UBND và Quyết định số 5864/QĐ-UBND cùng ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với bà L. Hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ số

5965/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với bà L.

Tại văn bản số 1013/UBND-NCPC ngày 22/6/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến đối với đơn kiện của bà Lê Thị L như sau:

Thửa đất của bà Lê Thị L có diện tích 1.132,9m^2. Trong đó có 976,1m^2 nằm trong Dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2), phần còn lại 156,8m^2 thuộc Dự án Trạm Kiểm Ngư bị thu hồi theo hai Quyết định bà L đang khiếu kiện. Đối với phần diện tích thuộc Dự án Vịnh Đầm ngày 03/03/2016 Ủy ban nhân dân thành phố P đã ra Thông báo thu hồi đất số 445/TB-UBND xác định bà Phan Thị B là người có đất bị thu hồi.

Ngày 10/05/2016 Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K tổ chức đo đạc kiểm kê diện tích đất đai, cây trồng, vật kiến trúc cho hộ bà Lê Thị L, bà L có ký tên trong biên bản. Diện tích đất này Ủy ban nhân dân thành phố P đã ra Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường về quyền sử dụng đất, hoa màu trên đất, nhưng chưa bồi thường vật kiến trúc trên đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà L theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích thuộc Dự án Trạm Kiểm Ngư, ngày 22/3/2018 Ủy ban nhân dân thành phố P đã ra Thông báo số 674/TB-UBND thông báo thu hồi đất đối với bà L diện tích dự kiến 156,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Ngày 11/4/2018 bà L đã được triển khai Thông báo này.

Ngày 12/4/2018, Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P đã tiến hành kiểm kê diện tích đất đai cây trồng, vật kiến trúc của bà L. Bà L có ký tên vào biên bản.

Ngày 09/10/2019, Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P có Báo cáo số 238/BC-BBT kiến nghị xét bổ sung hộ bà Lê Thị L đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 17/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P ra hai Quyết định số 5863/QĐ-UBND và Quyết định số 5864/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Lê Thị L diện tích đất 156,8m^2 đất trồng cây lâu năm để thực hiện Dự án Trạm K P.

Ngày 18/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định bồi thường và hỗ trợ cho bà L tổng cộng: 82.252.800 đồng. Bà L chưa nhận tiền.

Bà L cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố P áp giá bồi thường quá thấp so với giá thị trường là không đúng. Vì Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ theo Quyết định số 2170/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh K ngày 23/9/2019 về giá đất cụ thể tính trên bồi thường quyền sử dụng đất đối với Dự án Trạm Kiểm Ngư; đất trồng cây lâu năm vị trí 1 là 396.000 đồng/m^2 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Bà L xác định hiện trạng trên đất thu hồi của bà có công trình xây dựng là nhà kiên cố nhưng khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì không

bồi thường vật kiến trúc là đúng. Vì vật kiến trúc, cây trồng đã được kiểm kê nằm trong Dự án Vịnh Đầm, còn diện tích bị thu hồi thuộc Dự án Trạm Kiểm Ngư không có vật kiến trúc, cây trồng.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T2: Thống nhất với yêu cầu của bà L và không có ý kiến khác.

Tại văn bản số 42/KN-KHTC ngày 24/02/2023 của Cục K xác định:

Dự án đầu tư xây dựng công trình T4 được Bộ trưởng Bộ N1 phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3678/QĐ-BNN-KH ngày 07/9/2016.

Các thủ tục tiếp theo đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc thu hồi đất Cục K đã ký hợp đồng với Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường,…làm căn cứ cho Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định thu hồi đất và giải phóng mặt bằng để giao đất thực hiện Dự án.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để Cục K sớm nhận đất, hoàn thành công trình T4; đồng thời yêu cầu giải quyết vắng mặt Cục K trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

- Hủy Quyết định số 5863/QĐ-UBND và Quyết định số 5864/QĐ-UBND cùng ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đối với bà Lê Thị L.

- Hủy quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ ổn định đời sống đối với bà Lê Thị L.

- Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện công vụ, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Trần Quang L1 trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện do ngày 19/12/2019, Ủy ban có lập biên bản giao quyết định thu hồi đất nhưng bà L1 không chịu nhận và không ký tên trên biên bản; các công trình trên đất của bà L1 đã được kiểm điếm trong Dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm nên không tính bồi thường trong Dự án Trạm Kiểm Ngư. Việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà L1 là đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là biên bản kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi và Biên bản kiểm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì có căn cứ xác định, phần đất bị thu hồi của bà L1 có công trình xây dựng trên đất nhưng Ủy ban chưa thực hiện chính sách bồi thường cho bà L1 là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L1 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1 là có căn cứ; người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không được chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trong hạn luật định và hợp lệ theo Điều 206 luật tố tụng hành chính 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Lê Thị L; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục kiểm ngư và ông Nguyễn Xuân T2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện

[2.1] Thửa đất có diện tích 1.132,9m^2 của bà Lê Thị L có nguồn gốc của của bà Trương Thị B1 sử dụng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M980598 ngày 27/10/2003, là đất trồng cây lâu năm. Năm 2009, bà B1 sang nhượng lại cho ông Trịnh Văn T3, sau đó ông T3 sang nhượng lại cho ông N và năm 2014, ông N sang nhượng lại cho bà Lê Thị L sử dụng ổn định cho đến khi

có quyết định thu hồi đất. Trong đó, diện tích 976,1m^2 nằm trong Dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2), phần còn lại 156,8m^2 thuộc Dự án Trạm Kiểm Ngư bị thu hồi theo hai Quyết định số 5863/QĐ-UBND và Quyết định số 5864/QĐ-UBND.

[2.2] Ngày 22/3/2018, Ủy ban nhân dân thành phố P đã ra Thông báo số 674/TB-UBND, thông báo thu hồi đất đối với bà L diện tích dự kiến 156,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Ngày 11/4/2018, bà L đã được triển khai Thông báo này.

[2.3] Ngày 17/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 5863/QĐ-UBND và Quyết định số 5864/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đối với bà Lê Thị L là đúng theo trình tự của Luật đất đai năm 2013.

[2.4] Ngày 18/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 5965/QĐ-UBND về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ ổn định đời sống đối với bà Lê Thị L. Giá trị cụ thể 82.252.800 đồng; trong đó, bồi thường về đất là 62.092.800 đồng và hỗ trợ ổn định đời sống là 20.160.000 đồng.

[2.5] Bà L cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố P áp giá bồi thường quá thấp so với giá thị trường. Tuy nhiên, căn cứ theo Quyết định số 2170/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh K ngày 23/9/2019 về giá đất cụ thể tính trên bồi thường quyền sử dụng đất đối với Dự án Trạm Kiểm Ngư; đất trồng cây lâu năm vị trí 1 là 396.000 đồng/m^2 là đúng theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trạm Kiểm ngư P, tại xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang nên ý kiến này của bà L không có căn cứ.

[2.6] Tuy nhiên, xét quá trình thu hồi đất của bà L, Ủy ban nhân dân thành phố P có những sai sót sau: ngày 17/12/2019, Ủy ban nhân dân đã ban hành quyết định thu hồi đất nhưng ngày 30/5/2022, bà L mới nhận được quyết định thu hồi đất, tức là sau khi bà nhận được quyết định bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Trần Quang L1 trình bày: ngày 19/12/2019, Ủy ban có lập biên bản giao quyết định thu hồi đất nhưng bà L1 không nhận nhưng không có căn cứ chứng minh bà L1 có mặt khi lập biên bản nên không thể khẳng định có việc Ủy ban nhân dân thành phố P đã giao quyết định thu hồi đất cho bà L1 vào ngày này.

[2.7] Hơn nữa, căn cứ Biên bản kiểm đếm ngày 12/4/2018 của Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện P thì trên đất không có vật kiến trúc, cây trồng trên đất bị thu hồi theo Dự án Trạm Kiểm Ngư nhưng tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân dân tỉnh Kiên Giang phản ánh trên đất bị thu hồi để thực hiện Dự án Trạm Kiểm Ngư có một phần căn nhà chính do vợ chồng bà L1 sử dụng, còn lại là một phần của 4 căn nhà trọ.

[2.8] Người bị kiện thừa nhận đã không tính bồi thường công trình trên đất cho bà L1 trong Dự án Trạm Kiểm Ngư vì toàn bộ công trình này đã được kiểm kê khi thực hiện Dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2); Hội đồng xét xử

nhận thấy, Dự án Khu P (giai đoạn 2) và Dự án Trạm Kiểm Ngư là hai dự án khác nhau, không thực hiện cùng một lúc và được bồi thường, hỗ trợ bởi hai Phương án bồi thường, hỗ trợ khác nhau nên việc kiểm kê tài sản của bà L1 chung vào một Dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2) để bồi thường là không đúng quy định về bồi thường khi thu hồi đất tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.9] Mặt khác, cho đến khi thực hiện việc thu hồi đất của Dự án Trạm Kiểm Ngư thì Ủy ban vẫn chưa thực hiện bồi thường công trình là nhà ở, khu nhà trọ cho bà L1 trong Dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2). Việc không xác định tài sản có trên đất bị thu hồi trong Dự án Trạm Kiểm Ngư để bồi thường cho bà L1 sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện sinh sống của bà L1 vì đây là nơi sinh sống tại thời điểm thu hồi đất của gia đình bà L1.

[2.10] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà L1, hủy Quyết định số 5863/QĐ-UBND; Quyết định số 5864/QĐ-UBND cùng ngày 17/12/2019 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố P là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.11] Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không được chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiêm tòa là có căn cứ.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không phù hợp với các nhận định trên nên không được chấp nhận.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003326 ngày 20/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh **Nguyễn Văn Khương** **Nguyễn Thị Cúc**